

SỰ THÍCH ỨNG VỚI HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP THEO PHƯƠNG THỨC ĐÀO TẠO TÍN CHỈ CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

TS. Đặng Thanh Nga

Trường Đại học Luật Hà Nội.

TÓM TẮT

Nghiên cứu đánh giá sự thích ứng với hoạt động học tập theo phương thức đào tạo tín chỉ của sinh viên Trường Đại học Luật Hà Nội được tiến hành khảo sát trên 355 sinh viên. Kết quả nghiên cứu cho thấy, phần lớn sinh viên (76,1%) thích ứng với hoạt động học tập theo phương thức đào tạo tín chỉ biểu hiện ở mức trung bình. Rất ít sinh viên (20,8%) thích ứng ở mức độ khá với hoạt động học tập theo phương thức đào tạo tín chỉ. Mức độ thích ứng của sinh viên với các hình thức học tập theo phương thức đào tạo tín chỉ không đồng đều. Hình thức học tập theo phương thức đào tạo tín chỉ mà sinh viên thích ứng kém nhất là “Làm việc nhóm”. Tiếp theo là hình thức “Tự học” và “Thảo luận” mức độ thích ứng của sinh viên cũng đều biểu hiện ở mức trung bình. Chỉ có hình thức “Học tập trên lớp” mức độ thích ứng của sinh viên biểu hiện ở mức khá.

Từ khoá: *Thích ứng; hoạt động học tập; phương thức; đào tạo; tín chỉ; hình thức; tự học; học tập trên lớp; thảo luận; làm việc nhóm; sinh viên.*

Ngày nhận bài: 26/3/2012; Ngày duyệt đăng bài: 20/5/2012

1. Đặt vấn đề

Cùng với một số trường đại học trên cả nước, từ năm học 2007 – 2008, Trường Đại học Luật Hà Nội đã bắt đầu áp dụng giảng dạy 13 môn học theo phương thức tín chỉ và năm học 2008 - 2009 là 20 môn học theo phương thức này. Đến năm học 2009 - 2010, Trường Đại học Luật Hà Nội đã chuyển đổi từ đào tạo theo niên chế sang đào tạo theo tín chỉ một cách triệt để.

Phương thức đào tạo tín chỉ là một hình thức đào tạo khá mới mẻ đối với nền giáo dục Việt Nam và phương thức này cũng là lần đầu tiên được áp dụng ở Trường Đại học Luật Hà Nội. Muốn đạt kết quả cao trong học tập và phát huy

được tiềm năng sáng tạo, đòi hỏi sinh viên phải thích ứng với mô hình đào tạo mới này.

2. Khách thể và phương pháp nghiên cứu

Để tìm hiểu thực trạng về sự thích ứng với hoạt động học tập theo phương thức đào tạo tín chỉ của sinh viên Trường Đại học Luật Hà Nội, chúng tôi đã tiến hành khảo sát 355 sinh viên.

Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi, phương pháp phỏng vấn sâu và phương pháp quan sát được sử dụng để tìm hiểu mức độ thích ứng với hoạt động học tập theo phương thức đào tạo tín chỉ của sinh viên Trường Đại học Luật Hà Nội. Các số liệu thu thập từ khảo sát thực tiễn được xử lý theo chương trình SPSS trong môi trường Window, phiên bản 15.0.

Để đánh giá chung về sự thích ứng với hoạt động học tập theo phương thức đào tạo tín chỉ của sinh viên, chúng tôi dựa trên ba mặt: nhận thức, xúc cảm, hành vi. Ba mặt này được biểu hiện trên các hình thức học tập cơ bản: tự học, học tập trên lớp, làm việc nhóm và thảo luận.

Nhận thức: mức độ hiểu biết cách tiến hành các hình thức học tập ở bốn mức độ tương ứng với bốn mức điểm: “Không cần thiết”: 1 điểm; “Ít cần thiết”: 2 điểm; “Cần thiết”: 3 điểm; “Rất cần thiết”: 4 điểm.

Xúc cảm: bộc lộ thái độ của bản thân đối với các hình thức học tập ở bốn mức độ tương ứng với bốn mức điểm: “Không thích”: 1 điểm; “Bình thường”: 2 điểm; “Thích”: 3 điểm; “Rất thích”: 4 điểm.

Hành vi: mức độ tuân thủ ở việc tiến hành các hình thức học tập ở bốn mức độ tương ứng với bốn mức điểm: “Không biết cách làm”: 1 điểm; “Chưa thành thạo”: 2 điểm; “Thành thạo”: 3 điểm; “Rất thành thạo”: 4 điểm.

Căn cứ vào thang điểm trên, chúng tôi qui ước mức độ thích ứng với hoạt động học tập theo tín chỉ của sinh viên bốn mức độ sau: mức độ thích ứng kém là điểm từ 1 đến 1,5; mức độ thích ứng trung bình là điểm từ 1,5 đến 2,5; mức độ thích ứng khá điểm từ 2,5 đến 3,5 và mức điểm từ 3,5 đến 4 được đánh giá là thích ứng tốt.

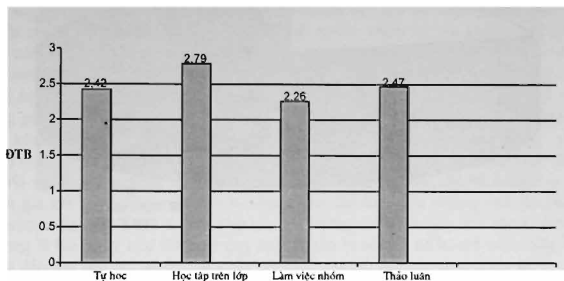
Trong nghiên cứu này, chúng tôi cho rằng: *Thích ứng với hoạt động học tập theo phương thức đào tạo tín chỉ của sinh viên là quá trình người học thâm nhập vào điều kiện học tập mới nhằm lĩnh hội những yêu cầu, đòi hỏi cũng như nội dung và kinh nghiệm của học tập theo phương thức tín chỉ để có phương thức hành vi ứng xử phù hợp với những yêu cầu, đòi hỏi đó. Trong quá trình này, người học chủ động tích cực thu nhận những tri thức mới, rèn luyện những kỹ năng, kỹ xảo mới để đạt hiệu quả cao trong hoạt động học tập theo phương thức tín chỉ.*

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Sự thích ứng với các hình thức học tập theo phương thức đào tạo tín chỉ của sinh viên

Kết quả tổng hợp sự thích ứng với hoạt động học tập theo phương thức đào tạo tín chỉ của sinh viên được biểu hiện ở biểu đồ 1, 2.

Qua biểu đồ 1, 2 cho thấy, nhìn tổng thể cả ba mặt nhận thức - thái độ - hành vi của thích ứng với hoạt động học tập theo phương thức đào tạo tín chỉ cho thấy, mức độ thích của sinh viên với hoạt động học tập biểu hiện ở mức trung bình, với điểm trung bình chung là 2,49 ($1,5 \leq \text{ĐTB} \leq 2,5$ - thích ứng ở mức trung bình). Kết quả cho thấy rất ít sinh viên (20,8%) thích ứng ở mức khá với hoạt động học tập theo phương thức đào tạo tín chỉ; phần lớn sinh viên chỉ đạt mức thích ứng trung bình (76,1%). Có nghĩa là hầu hết sinh viên đều gặp khó khăn trong hoạt động học tập theo phương thức đào tạo tín chỉ.

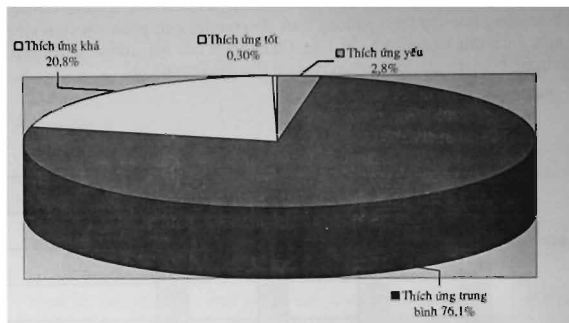


Biểu đồ 1: Tổng hợp mức độ thích ứng với các hình thức học tập theo phương thức đào tạo tín chỉ của sinh viên

Xét riêng từng hình thức học tập cho thấy:

- Không có hình thức học tập nào sinh viên thích ứng tốt ($3,5 \leq \text{ĐTB} \leq 4$).
- Mức độ thích ứng của sinh viên với các hình thức học tập theo phương thức đào tạo tín chỉ không đồng đều. Cụ thể:
 - + Hình thức học tập theo phương thức đào tạo tín chỉ mà sinh viên thích ứng tốt nhất là “Học tập trên lớp” với $\text{ĐTB} = 2,79$ ($2,5 \leq \text{ĐTB} \leq 3,5$ - thích ứng

ở mức khá), xếp bậc 1/4. Trong số các kỹ năng học tập trên lớp thì mức độ thích ứng tốt nhất là hai kỹ năng “Chú ý lắng nghe và ghi chép những ý chính, quan trọng” và kỹ năng “Đánh dấu vào những phần giảng viên nhấn mạnh để lưu ý khi đọc” với ĐTB đều = 3,2. Kỹ năng mà sinh viên thích ứng kém nhất là “Chủ động trao đổi với giảng viên về hiệu quả sử dụng các phương pháp dạy học tích cực” với ĐTB = 2,4. Thực tế cho thấy, sinh viên thường quan niệm rằng, phương pháp giảng dạy là của giáo viên, là chủ trương của nhà trường, hiệu quả như thế nào cũng phụ thuộc vào khả năng của từng giáo viên, mặt khác sinh viên cũng rất ngại trao đổi trực tiếp với giáo viên về vấn đề này mà thường phàn nàn với nhau hoặc với giáo viên chủ nhiệm.



Biểu đồ 2: Mức độ thích ứng với các hình thức học tập theo phương thức đào tạo tín chỉ của sinh viên

+ Tiếp theo là hình thức “Thảo luận” với ĐTB = 2,47 ($1,5 \leq \text{ĐTB} \leq 2,5$ - thích ứng ở mức trung bình), xếp bậc 2/4. Trong các kỹ năng thảo luận, sinh viên thích ứng tốt nhất với kỹ năng “Lắng nghe” với ĐTB = 2,99. Khi được phỏng vấn các em đều cho rằng: “Lắng nghe là hành động đơn giản, ai cũng có thể làm một cách dễ dàng, chỉ cần “im lặng” và “nghe”, thậm chí có thể làm việc riêng mà vẫn “nghe tốt”. Tuy nhiên, theo kết quả quan sát của chúng tôi cho thấy, việc sinh viên thực hiện kỹ năng lắng nghe trong giờ thảo luận không hề đơn giản, bởi vì sinh viên rất khó giữ được trật tự và không ít sinh viên nói chuyện hoặc làm việc riêng. Điều này cho thấy, sinh viên còn thụ động và thể hiện tính tích cực chưa cao trong giờ thảo luận nhóm. Ba kỹ năng thảo luận mà

sinh viên thích ứng kém nhất là “Đặt câu hỏi”, “Trả lời câu hỏi” và “Thay mặt nhóm trình bày ý kiến của nhóm” với ĐTB hầu như bằng nhau lần lượt là 2,30; 2,30 và 2,31. Qua kết quả quan sát cho thấy, phần lớn sinh viên rất ngại phải thay mặt nhóm trình bày ý kiến, trả lời câu hỏi và thậm chí đặt câu hỏi. Nhiều trường hợp trường nhóm phải miễn cưỡng phát biểu hay trình bày bởi vì không cử được ai.

+ Thứ ba là hình thức “Tự học” với ĐTB = 2,42 ($1,5 \leq \text{ĐTB} \leq 2,5$ = thích ứng ở mức trung bình), xếp bậc 3/4. Trong các kỹ năng tự học thì sinh viên thích ứng tốt nhất với kỹ năng “Nghiên cứu tài liệu” với ĐTB = 2,64 ($2,5 \leq \text{ĐTB} \leq 3,5$ - thích ứng ở mức khá). Ở kỹ năng nghiên cứu tài liệu, phần lớn sinh viên không những biết và biết rõ cách đọc sách (59,4%) mà còn thích (53,5%) và cảm thấy dễ dàng trong việc nghiên cứu tài liệu (57,5%). Tuy nhiên, cũng còn một phần không nhỏ sinh viên (40,3%) thừa nhận vẫn chưa thành thạo trong việc nghiên cứu tài liệu. Sinh viên Lê Thị T. cho biết: *“Em gặp khó khăn ở chỗ có những vấn đề có rất nhiều tác giả đề cập nhưng đưa ra nhiều quan điểm khác nhau, thậm chí trái ngược nhau và em không biết nên theo tác giả nào”*. Có sinh viên gặp khó khăn về phương pháp cho biết: *“Trước đây em thì khối C nên chủ yếu là học thuộc, nhưng từ khi em vào trường em phải học nhiều môn, tài liệu lại rất đa dạng, không thể học thuộc nữa mà em đang phải chuyển đổi phương pháp tự học”*. Hai kỹ năng mà sinh viên thích ứng kém nhất là “Lập kế hoạch tự học” và “Tự đánh giá kết quả tự học” với ĐTB = 2,30 và 2,21 ($1,5 \leq \text{ĐTB} \leq 2,5$ - thích ứng ở mức trung bình), có đến 75,5% và 76,3% số sinh viên thừa nhận lúng túng trong việc lập kế hoạch và tự đánh giá kết quả tự học. Điều này cũng được thể hiện khi phỏng vấn thì phần lớn sinh viên thừa nhận là hầu như các em không có kế hoạch học tập rõ ràng, thường là bài ngày mai thì hôm nay mới chuẩn bị nhưng kế hoạch này cũng dễ dàng đảo lộn nếu có “gì đó đột xuất” và điều này rất thường xuyên xảy ra.

+ Hình thức học tập theo phương thức đào tạo tín chỉ mà sinh viên thích ứng kém nhất là “Làm việc nhóm” với ĐTB = 2,26 ($1,5 \leq \text{ĐTB} \leq 2,5$ - thích ứng ở mức trung bình), xếp bậc 4/4. Đa số sinh viên có khả năng thích ứng làm việc nhóm ở mức độ trung bình (75,8%), số sinh viên có khả năng thích ứng khá chỉ có 22,5% và vẫn còn 1,7% sinh viên kém thích ứng với làm việc nhóm. Đặc biệt, không có sinh viên nào có biểu hiện thích ứng tốt với làm việc nhóm. Trong số các kỹ năng làm việc nhóm thì hai kỹ năng mà sinh viên thích ứng tốt nhất là “Các thành viên của nhóm cần có sự phối hợp trong công việc” và “Để nhóm có kết quả cao thì cần phải có nỗ lực và nhiệt tình”. Điều này chứng tỏ sinh viên đã phần nào nhận thức tương đối tốt sự phối hợp giữa các thành viên của nhóm khi làm việc nhóm và khẳng định được vai trò của mỗi sinh viên trong nhóm. Tuy nhiên trong thực tế, các em vẫn có xu hướng làm việc cá lẻ, chưa thực sự có được sự hòa đồng với các bạn khác trong nhóm, chính vì vậy, khi được hỏi về nguyên nhân làm

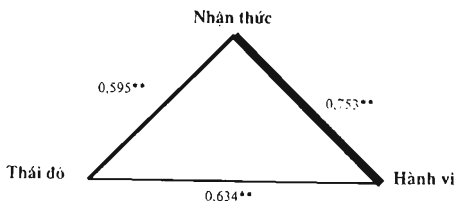
cho sinh viên khó thích ứng với làm việc nhóm đã có nhiều em trả lời: “Do các bạn còn khó chấp nhận quan điểm của người khác nên dẫn đến tình trạng bất đồng quan điểm”. Ngoài ra, phần lớn sinh viên vẫn còn có xu hướng quan tâm đến lợi ích của mình nhiều hơn lợi ích của tập thể, thái độ sẵn sàng hợp tác của sinh viên với các bạn khác trong nhóm chưa cao và chưa thực sự nhiệt tình, cũng như chưa có trách nhiệm với công việc của nhóm. Điều này được thể hiện qua việc chia sẻ với chúng tôi, các em nói: “Trong nhóm còn nhiều bạn có tư tưởng ỷ lại và trốn tránh công việc chung, dựa dẫm và mặc kệ các bạn khác”, “Khi làm việc nhóm cũng không cần phải cố gắng nhiều, vì kết quả của nhóm đều được hưởng chứ không phải một cá nhân mình được hưởng”.

Qua đây có thể thấy rằng, sinh viên Trường Đại học Luật hiện nay đã phần nào có khả năng thích ứng với hình thức “Học tập trên lớp” ở mức độ nhất định, nhưng khả năng thích ứng với các hình thức “Làm việc nhóm”; “Tự học”; “Thảo luận” còn nhiều hạn chế. Vì vậy, cần phải có những biện pháp thích hợp để nâng cao mặt nhận thức, thái độ và hành vi của sinh viên trong hoạt động học tập theo phương thức đào tạo tín chỉ.

Trong ba mặt biểu hiện của thích ứng với hoạt động học tập theo phương thức đào tạo tín chỉ thì mặt nhận thức biểu hiện tốt nhất (ĐTB = 2,69), thứ hai là mặt thái độ (ĐTB = 2,46) và thấp nhất là mặt hành vi làm quen (ĐTB = 2,31).

3.2. Mối tương quan giữa các mặt biểu hiện của sự thích ứng với hoạt động học tập theo phương thức đào tạo tín chỉ ở sinh viên

Ở các mục trên, chúng ta đã mô tả từng mặt của thích ứng với hoạt động học tập theo phương thức đào tạo tín chỉ của sinh viên. Vậy ba mặt của thích ứng có mối liên hệ với nhau như thế nào? Liệu chúng có tương quan với nhau hay tách biệt độc lập với nhau. Ba mặt nhận thức, thái độ và hành vi là các bộ phận cấu thành thích ứng với hoạt động học tập theo phương thức đào tạo tín chỉ của sinh viên một cách tổng thể.



Ghi chú: r** khi $p < 0,01$

Sơ đồ 1: Mối tương quan giữa ba mặt của thích ứng với hoạt động học tập theo phương thức đào tạo tín chỉ của sinh viên

Kết quả sơ đồ 1 cho thấy, ba mặt này đều có mối quan hệ qua lại tương đối chặt chẽ và kháng khít với nhau ($p < 0,01$). Mỗi mặt đều có mối quan hệ tương quan có ý nghĩa về mặt thống kê với các mặt khác.

Tất cả các hệ số tương quan đều > 0 cho biết, chiều của các mối tương quan này là quan hệ tỷ lệ thuận, nghĩa là khi mức độ của mỗi mặt thích ứng mà tăng thì nó đều đóng góp cho mức độ tăng của thích ứng với hoạt động học tập nói chung và ngược lại. Ý nghĩa của mối tương quan này là khi thích ứng về mặt nhận thức cao thì biểu hiện thích ứng ở mặt thái độ và ở mặt hành vi cũng cao. Ngược lại, khi thích ứng ở mặt này thấp thì cũng có thể thấy, sự thích ứng ở các mặt khác thấp đi. Điều đó càng cho phép chứng minh rằng, thích ứng với hoạt động học tập nói chung là sự thống nhất giữa ba mặt, mỗi mặt luôn tồn tại trong một mối liên hệ nhất định với các mặt khác.

Tuy nhiên, độ mạnh của các mối tương quan này lại không đồng nhất giữa các mặt khác nhau. Cụ thể là trong tất cả các mối tương quan thì mối tương quan giữa thích ứng về mặt nhận thức và mặt hành vi là có hệ số tương quan lớn nhất ($r = 0,753$, $p < 0,01$). Tiếp theo là mối tương quan giữa thích ứng về mặt thái độ với mặt hành vi ($r = 0,634$, $p < 0,01$). Thứ ba là mối tương quan giữa thích ứng về mặt nhận thức và thái độ ($r = 0,595$, $p < 0,01$). Điều này cho thấy, thích ứng về mặt nhận thức, về mặt hành vi và về thái độ luôn luôn đi liền với nhau. Đặc biệt, mối liên hệ giữa thích ứng về mặt nhận thức và hành vi là rất đáng kể.

Bảng 1: Các nhân tố dự báo mức độ thích ứng về mặt nhận thức, mặt thái độ và mặt hành vi với hoạt động học tập theo phương thức đào tạo tín chỉ của sinh viên

Các biến độc lập	Biến phụ thuộc					
	Thái độ			Hành vi		
	R ²	F	P	R ²	F	P
Nhận thức	0,354	193,335	0,000	0,565	461,21	0,000
Thái độ				0,402	237,33	0,000
Nhận thức + Thái độ				0,618	287,364	0,000

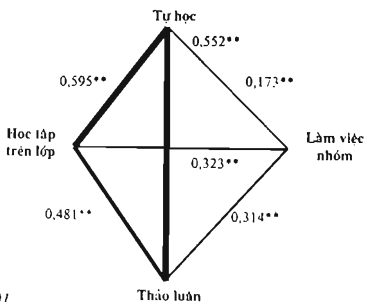
Số liệu ở bảng 1 cho thấy, thích ứng về mặt nhận thức với hoạt động học tập của sinh viên là nhân tố có ảnh hưởng mạnh đến thích ứng về hành vi hơn là mức độ thích ứng về thái độ (khả năng dự báo của nhân tố này đối với hai mức độ lần lượt là 56,5% và 40,2% ($p < 0,001$)). Khi kết hợp thích ứng về nhận thức với thích ứng về thái độ thì tập hợp các nhân tố này sẽ làm tăng mức độ ảnh

hường của chúng đến thích ứng về hành vi với hoạt động học tập. Kết quả thu được từ phép phân tích hồi qui đã chỉ ra rằng, tập hợp này cho phép dự báo khoảng 61,18% ($p < 0,001$). Những biến thiên của mức dự báo khi thay đổi biến độc lập trong phép hồi qui bậc nhất này cho phép chúng tôi khẳng định rằng, trong việc tìm kiếm giải pháp nhằm tăng mức độ thích ứng với hoạt động học tập của sinh viên cần chú ý đến những biện pháp nhằm tăng mức độ thích ứng về mặt nhận thức của sinh viên trong hoạt động chủ đạo này.

Như vậy, nếu sinh viên có hạn chế nhất định về mặt nhận thức thì sự hứng thú đối với quá trình học tập của các em sẽ bị giảm sút, đặc biệt là các em sẽ gặp rất nhiều khó khăn về kỹ năng tiến hành hoạt động học tập. Ngược lại, nếu sinh viên có nhận thức tốt thì sẽ tạo ra nhiều hứng thú trong quá trình học tập và các em sẽ thành thạo tiến hành hoạt động học tập nói chung.

3.3. *Mối tương quan giữa các mức độ thích ứng với các hình thức học tập của sinh viên*

Ngoài ra, chúng tôi còn tiến hành xem xét mối tương quan giữa các mức độ thích ứng với các hình thức học tập nhằm tìm hiểu rõ hơn sự tồn tại đồng thời hay không đồng thời, cùng biến thiên hay không cùng biến thiên giữa các mức độ thích ứng với các hình thức học tập theo phương thức đào tạo tín chỉ của sinh viên. Từ đó, có thể hiểu sâu sắc hơn mối quan hệ qua lại giữa các mức độ thích ứng ở các hình thức học tập.



Ghi chú: r^{**} khi $p < 0,01$

Sơ đồ 2: Mối tương quan giữa các thích ứng với các hình thức học tập của sinh viên

Hệ số tương quan nhị biến Pearson giữa từng cặp biến số biểu thị ở sơ đồ 2 chỉ những tương quan có ý nghĩa về mặt thống kê.

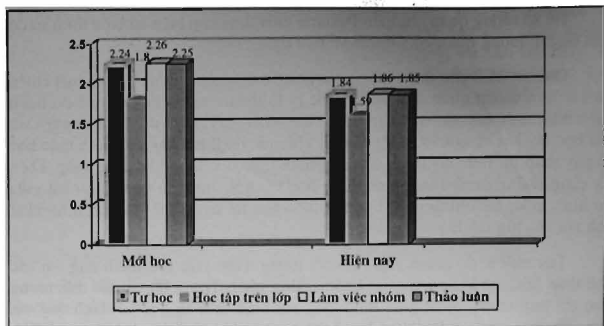
Qua sơ đồ 2 cho thấy, tất cả các hệ số tương quan đều > 0 cho biết chiều của các mối tương quan này là quan hệ tỷ lệ thuận, nghĩa là khi mức độ thích ứng ở hình thức học tập này cao thì có thể nhận thấy, mức độ thích ứng ở hình thức học tập kia cũng cao và ngược lại, khi mức độ thích ứng của hình thức học tập này thấp thì mức độ thích ứng của hình thức học tập khác cũng thấp. Điều này càng chứng minh rằng, hoạt động học tập nói chung là sự thống nhất giữa các hình thức, mỗi hình thức học tập luôn tồn tại trong một mối liên hệ nhất định với các hình thức học tập khác.

Tuy nhiên, độ mạnh của các mối tương quan giữa các thích ứng với các hình thức học tập khác nhau lại không đồng nhất. Trong tất cả các mối tương quan thì mối tương quan giữa thích ứng với hình thức tự học và thích ứng với hình thức học tập trên lớp là có hệ số tương quan lớn nhất ($r = 0,595$, $p < 0,01$). Tiếp theo là mối tương quan giữa thích ứng với hình thức tự học và thích ứng với hình thức thảo luận ($r = 0,552$, $p < 0,01$). Thứ ba là mối tương quan giữa thích ứng với hình thức học tập trên lớp và thích ứng với hình thức thảo luận ($r = 0,481$, $p < 0,01$). Thứ tư là mối tương quan giữa thích ứng với hình thức học tập trên lớp và thích ứng với hình thức làm việc nhóm ($r = 0,323$, $p < 0,01$). Thứ năm là mối tương quan giữa thích ứng với hình thức làm việc nhóm và thích ứng với hình thức thảo luận ($r = 0,314$, $p < 0,01$). Cuối cùng là mối tương quan giữa thích ứng với hình thức tự học và thích ứng với hình thức làm việc nhóm ($r = 0,173$, $p < 0,01$). Điều này cho thấy, thích ứng trong hình thức tự học luôn gắn bó chặt chẽ với thích ứng trong học tập trên lớp và thích ứng trong thảo luận.

Như vậy, trong quá trình học tập nếu sinh viên gặp nhiều khó trong quá trình thích ứng với hình thức học tập này thì sẽ gặp nhiều khó khăn ở các hình thức học tập khác. Ngược lại, nếu sinh viên gặp ít khó khăn trong quá trình thích ứng với hình thức học tập này thì sẽ gặp ít khó khăn trong quá trình thích ứng với các hình thức học tập khác.

3.4. Sự khác nhau về mức độ khó khăn trong quá trình thích ứng với hoạt động học tập theo phương thức đào tạo tín chỉ giữa hai thời kỳ

Ngoài ra, chúng tôi còn tiến hành so sánh mức độ khó khăn trong quá trình thích ứng với hoạt động học tập theo phương thức đào tạo tín chỉ của sinh viên ở thời điểm bắt đầu học tập theo phương thức này (mới học) và ở thời điểm kết thúc học kỳ I (hiện nay). Kết quả được biểu hiện ở biểu đồ 3.



Qua biểu đồ 3 cho thấy, trong quá trình thích ứng với hoạt động học tập theo phương thức đào tạo tín chỉ ở hai thời điểm (mới học theo phương thức đào tạo tín chỉ và hiện nay), sinh viên Trường Đại học Luật Hà Nội đều gặp khó khăn với $\text{ĐTB}_{\text{Mới học}} = 2,13$, $\text{ĐTB}_{\text{Hiện nay}} = 1,79$ ($1,5 \leq \text{ĐTB} \leq 2,5$ - mức khó khăn). Tuy mức độ khó khăn trong quá trình thích ứng với hoạt động học tập của sinh viên có giảm nhưng giảm với tốc độ ít ($\text{ĐTB}_{\text{Mới học}} = 2,13 > \text{ĐTB}_{\text{Hiện nay}} = 1,79$). Có thể thấy rằng, qua một học kỳ làm quen với phương thức đào tạo tín chỉ, dưới sự hướng dẫn của giảng viên bộ môn và cố vấn học tập, mức độ khó khăn trong quá trình thích ứng với hoạt động học tập đã giảm đi ở mức độ nhất định. Mức độ khó khăn trong quá trình thích ứng với các hình thức học tập của sinh viên là không đồng đều: hình thức học tập mà sinh viên còn gặp khó khăn nhiều nhất trong quá trình thích ứng là “Làm việc nhóm” và ít gặp khó khăn nhất là hình thức “Học tập trên lớp”. Điều này chứng tỏ, sinh viên vẫn chưa hoàn toàn làm quen được với phương thức đào tạo tín chỉ, hình thức học tập quen thuộc từ phổ thông vẫn là hình mẫu các em thích ứng tốt nhất.

Như vậy, để nâng cao mức độ thích ứng của sinh viên với hoạt động học tập theo phương thức đào tạo tín chỉ, giảng viên cần hướng dẫn cho sinh viên phương pháp học tập phù hợp, trong dạy học phải yêu cầu cao với sinh viên và bản thân mỗi giảng viên cần phải chủ động đổi mới phương pháp giảng dạy, sử dụng các phương pháp dạy học tích cực, đồng thời sinh viên phải tích cực, chủ động trong giờ học, cũng như phải tích cực tự học, tự nghiên cứu một cách có hiệu quả.

Bằng phương pháp điều tra phiếu hỏi, chúng tôi cũng đã thử tìm hiểu về một số yếu tố khác như khu vực, giới tính có ảnh hưởng đến sự đánh giá thực

trạng về thích ứng với hoạt động học tập theo phương thức đào tạo tín chỉ của sinh viên không, nhưng chưa phát hiện thấy có sự khác biệt có ý nghĩa về mặt thống kê (có thể do mẫu điều tra chưa đủ lớn và cũng có thể do bảng hỏi chưa đủ nhạy để phát hiện ra những điều này).

4. Kết luận

Qua kết quả nghiên cứu có thể rút ra một số kết luận sau đây:

- Phần lớn sinh viên thích ứng với hoạt động học tập theo phương thức đào tạo tín chỉ biểu hiện ở mức trung bình.

- Hình thức học tập theo phương thức đào tạo tín chỉ mà sinh viên thích ứng kém nhất là “Làm việc nhóm” và thích ứng khá nhất ở hình thức “Học tập trên lớp”.

Thích ứng với hoạt động học tập theo phương thức đào tạo tín chỉ ở ba mặt nhận thức - xúc cảm - hành vi của sinh viên không đồng đều. Sinh viên thích ứng kém nhất ở mặt hành vi. Tiếp đến là ở mặt xúc cảm và cuối cùng là ở mặt nhận thức.

- Khi phân tích mối tương quan giữa ba mặt thích ứng với hoạt động học tập theo phương thức đào tạo tín chỉ của sinh viên có thể thấy rằng, giữa các mặt này có mối tương quan chặt chẽ với nhau. Sự thích ứng về mặt nhận thức với hoạt động học tập của sinh viên có ảnh hưởng đến sự thích ứng về mặt hành vi mạnh hơn hẳn sự thích ứng về mặt xúc cảm. Do đó, việc tìm kiếm giải pháp nhằm tăng sự thích ứng với hoạt động học tập của sinh viên cần chú ý đến những biện pháp nhằm tăng khả năng thích ứng về mặt nhận thức của sinh viên với hoạt động học tập.

- Nghiên cứu mối tương quan giữa các mức độ thích ứng với các hình thức hoạt động học tập cho thấy, giữa các mức độ thích ứng với các hình thức hoạt động học tập này có mối tương quan chặt chẽ và chi phối mạnh mẽ lẫn nhau.

Tài liệu tham khảo

1. Lê Thạc Cán, *Tổ chức giảng dạy và học tập theo chương trình định sẵn và theo học chế tín chỉ*, Bài viết cho Tọa đàm về đào tạo theo tín chỉ ở Đại học Quốc gia Hà Nội, 4/2006.
2. Nguyễn Kim Dung, *Đào tạo theo hệ thống tín chỉ: kinh nghiệm thế giới và thực tế ở Việt Nam*, <http://www.ier.edu.vn/content/view/110/161/>
3. Đại học Quốc gia Hà Nội, Khoa Sư phạm, *Sơ kết đào tạo theo phương thức tín chỉ*, Hà Nội, 8/2007.

4. Đại học Quốc gia Hà Nội, Khoa Sư phạm, Chương trình tập huấn: *Tổ chức, thực thi, quản lý chương trình đào tạo phù hợp với phương thức đào tạo theo tín chỉ*, Hà Nội, 2006.
5. Ngô Doãn Đãi, *Viện Đại học và tổ chức đào tạo theo học chế tín chỉ*, Báo cáo tại hội thảo về đào tạo theo hệ thống tín chỉ, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 25/3/1997.
6. Trần Thị Minh Đức, *Nghiên cứu sự thích ứng của sinh viên năm thứ nhất - Đại học Quốc gia Hà Nội với môi trường đại học*, Đề tài nghiên cứu khoa học đặc biệt cấp Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2004.
7. Nguyễn Hữu Việt Hưng, *Đào tạo tín chỉ ở Mỹ*, <http://www.tiasang.com.vn/Default.aspx?tabid=65&News=1560&CategoryID=6>
8. Lê Thị Hương, *Nghiên cứu sự thích ứng với hoạt động học tập của sinh viên năm thứ nhất trường Cao đẳng Sư phạm Thanh Hóa*, Luận văn Thạc sĩ Tâm lý học, Hà Nội, 1998.
9. Vũ Quốc Phóng, *Hệ tín chỉ: Từ đại học ở Mỹ đến đại học ở Việt Nam*, <http://www.ict.edu.vn/content/view/97/161/>
10. Lâm Quang Thiệp, *Về việc áp dụng hệ thống tín chỉ trên thế giới và ở Việt Nam*, <http://www.ict.edu.vn/content/view/165/161/>.
11. Nguyễn Xuân Thức, *Sự thích ứng với hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm của sinh viên Đại học Sư phạm*, Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm, số 8/2005.